TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 183/2018/DS-PT
Ngày: 18-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Ánh Nguyệt;

Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1968; cư trú tại: Khu phố M, thị trấn B1, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Thân Văn N, sinh năm 1964; cư trú tại: Khu phố H, thị trấn B1, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phạm Thị S trình bày:

Bà và ông Thân Văn N là đồng nghiệp nên bà có cho ông N vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 15-9-2016 cho vay 3.000.000 đồng; ngày 20-10-2016 cho vay 1.000.000 đồng; ngày 15-12-2016 cho vay 2.000.000 đồng; ngày 22-01-2017 cho vay 20.000.000 đồng; ngày 24-02-2017 cho vay 10.000.000 đồng; ngày 23-3-2017 cho vay 20.000.000 đồng; ngày 17-4-2017 cho vay 25.000.000 đồng; ngày 22-6-2017 cho vay 1.000.000 đồng, tất cả đều là ngày dương lịch, việc cho vay không

tính lãi, tổng cộng bà đã cho ông N vay 82.000.000 đồng và ông N có viết biên nhận nợ. Ông N vay tiền để đầu tư trồng mía và hứa đến cuối vụ năm 2017 sẽ trả lại cho bà. Sau khi thu hoạch mía bà có đòi tiền thì đến ngày 13-02-2018 ông N trả được số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại 72.000.000 đồng cho đến nay. Theo như biên bản hòa giải ngày 24-5-2018, bà và ông N thỏa thuận ông N trả cho bà số tiền 72.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông N trả tiền lãi. Tuy nhiên, ngày 30-5-2018, ông N có đơn yêu cầu thay đổi ý kiến và yêu cầu khấu trừ số tiền lãi 39.500.000 đồng vào số tiền nợ gốc 72.000.000 đồng thì bà không chấp nhận, vì bà cho ông N vay tiền không tính lãi suất và bà cũng không nhận số tiền này như ông N trình bày. Do ông N thay đổi ý kiến nên bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông N trả số tiền còn nợ 72.000.000 đồng và tính tiền lãi đối với từng thời điểm vay tiền cho đến khi xét xử, bà không yêu cầu vợ ông N cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn - ông Thân Văn N trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của bà S về thời gian và số tiền vay, ông thừa nhận hiện còn nợ bà S số tiền 72.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông cho rằng khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/ tháng, mục đích vay tiền là để đầu tư trồng mía và khi nào thu hoạch xong thì trả tiền. Sau khi vay ông đóng tiền lãi đầy đủ cho bà S đến tháng 02 năm 2018 thì không đóng nữa, vì ông bị gãy tay và mía bị bệnh nên bà S mới khởi kiện. Mặc dù ông tự nguyện thỏa thuận với bà S theo biên bản hòa giải ngày 24-5-2018 là ông có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 72.000.000 đồng nhưng ông thấy việc thỏa thuận này ảnh hưởng đến quyền lợi của ông vì lãi suất thỏa thuận giữa ông và bà S là cao so với qui định. Do đó, ngày 30-5-2018, ông có đơn thay đổi ý kiến, yêu cầu Tòa án xem xét khấu trừ số tiền lãi 39.500.000 đồng mà ông đã đóng cho bà S vào số tiền nợ gốc 72.000.000 đồng như vậy ông còn nợ lại bà S 32.500.000 đồng, ông đồng ý trả cho bà S số tiền này, ông không yêu cầu vợ ông cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị S đối với ông Thân Văn N. Buộc ông Thân Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị S số tiền 75.100.000 (bảy mươi lăm triệu một trăm nghìn) đồng, trong đó (tiền gốc 72.000.000 đồng và tiền lãi 3.100.000 đồng). Ghi nhận bà S không yêu cầu vợ ông N cùng trả nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án Dân sự.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, bị đơn là ông Thân Văn N có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm khấu trừ tiền lãi đã trả từ ngày 15-9-2016 đến ngày 13-02-2018, với mức lãi suất 5%/tháng vào số tiền nợ gốc 72.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thân Văn N thừa nhận đã nhiều lần vay tiền của bà Phạm Thị S từ năm 2016 đến năm 2017 để đầu tư trồng mía, việc vay tiền có viết giấy nhận nợ do ông N ký tên, thời hạn trả tiền là vào cuối vụ thu hoạch năm 2017. Sau khi đối chiếu, hai bên thống nhất ông N còn nợ bà S số tiền 72.000.000 đồng.

[2] Ông N cho rằng khi vay tiền thì hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/ tháng và ông N đã trả tiền lãi cho bà S tổng cộng 39.500.000 đồng. Ông N cung cấp cho Tòa án một đoạn ghi âm, bà S thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà S nhưng bà S không thừa nhận có thỏa thuận lãi suất là 5%/ tháng và không thừa nhận đã nhận lãi suất là 39.500.000 đồng của ông N. Qua xem xét nội dung đoạn ghi âm cũng không thể hiện việc bà S, ông N thỏa thuận lãi suất là 5%/ tháng và cũng không thể hiện việc bà S đã nhận số tiền lãi 39.500.000 đồng như ông N trình bày. Mặt khác, nội dung trong các giấy mượn tiền của ông N cũng không thể hiện việc hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 5%/ tháng. Do đó, lời trình bày của ông N là không có căn cứ.

[3] Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc ông N trả cho bà S số tiền 75.100.000 đồng (trong đó bao gồm tiền gốc 72.000.000 đồng và tiền lãi 3.100.000 đồng) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Ông N kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu khấu trừ tiền lãi đã trả là 39.500.000 đồng nhưng ông N không xuất trình được chứng cứ chứng minh kháng cáo của mình là có cơ sở.

[5] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thân Văn N.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S đối với ông Thân Văn N về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc ông Thân Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị S số tiền 75.100.000 (bảy mươi lăm triệu một trăm nghìn) đồng (trong đó tiền gốc 72.000.000 đồng và tiền lãi 3.100.000 đồng). Ghi nhận bà S không yêu cầu vợ ông N cùng trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị S không phải chịu án phí sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B hoàn trả cho bà S 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0021397 ngày 24-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Thân Văn N phải chịu 3.755.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm:

Ông Thân Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0021589 ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Kim Sang